

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 10 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sâm

2. Ông Lê Đăng Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị Q, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn Q, xã X, Huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1986, nơi ĐKKHKT: Thôn 1, xã X, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 8 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Đào Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T qua tìm hiểu, tự nguyện yêu thương, lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, Huyện Thọ Xuân vào ngày 03/10/2013. Sau khi kết

hôn vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 3 năm đã phát sinh Nều mâu thuẫn, mà không còn hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp, luôn bất đồng trong sinh hoạt gia đình, anh T ham chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình và vợ con, nên giữa vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã cố gắng chung sống, nhưng không có hạnh phúc, nên từ năm 2018 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, thì vợ chồng đã ly thân đến nay, không còn qua lại với nhau. Năm 2020 anh T vi phạm pháp luật và hiện đang phải đi chấp hành án tù tại Trại giam số 5. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Q xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Đào Gia H, sinh ngày 18/9/2015 và cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 19/02/2017; các con đều đang ở với chị Q. Ly hôn nguyện vọng của chị Q là xin được trực tiếp nuôi cả 02 con; không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/10/2022 bị đơn là anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Q qua việc tự nguyện tìm hiểu, lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, Hện Thọ Xuân vào ngày 03/10/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh Nều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, nên giữa vợ chồng thường xảy ra cãi vã, không còn hạnh phúc. Đến cuối năm 2018 thì chị Q bế con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, nên vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Nay chị Q đòi ly hôn, thì anh đồng ý đề nghị Tòa giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Đào Gia H, sinh ngày 18/9/2015 và cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 19/02/2017; hiện 02 con đang ở với chị Q. Quan điểm của anh T là đồng ý để chị Q được trực tiếp nuôi cả 02 con chung vì lý do anh đang phải chấp hành án tù. Sau này khi có điều kiện nuôi con, thì anh sẽ đề nghị Tòa án xem xét sau.

Về tài sản và công nợ: anh T xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 14/10/2022, đại diện Ủy ban nhân dân xã X cho biết: Chị Đào Thị Q và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 03/10/2013. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Đào Gia H, sinh ngày 18/9/2015 và cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 19/02/2017, các con đều đang ở với chị Q. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau dẫn đến mâu thuẫn thế nào địa phương không nắm bắt được; Hiện tại anh T đang đi chấp hành án tù.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý

cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Q, xử cho chị Đào Thị Q được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Trần Đào Gia H, sinh ngày 18/9/2015 và cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 19/02/2017 cho chị Đào Thị Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Đào Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình; bị đơn là anh Trần Văn T, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn 1, xã X, Hện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (hiện tại anh T đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 5 - Cục C10 - Bộ Công an), nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Trần Văn T vắng mặt, nhưng trước đó đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Q và anh Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và đã được Ủy ban nhân dân xã X, Hện Thọ Xuân cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/10/2013, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì đã phát sinh Nền mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình; giữa vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng, chia sẻ với nhau, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ cuối năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Đến năm 2020 anh T vi phạm pháp luật bị Tòa án xử phạt tù, hiện đang phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam, nên mâu thuẫn giữa vợ chồng

càng trở nên trầm trọng hơn. Nay chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn; anh T cũng có lời khai thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Q, xử cho chị Đào Thị Q được ly hôn với anh Trần Văn T.

[3] Về con chung: Chị Đào Thị Q và anh Trần Văn T có 02 con chung là cháu Trần Đào Gia H, sinh ngày 18/9/2015 và cháu Trần Thị Yên N, sinh ngày 19/02/2017, hiện cả 02 con đang ở với chị Q.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Q có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu H và cháu N; Tại bản tự khai ngày 12/10/2022 anh T cũng có ý kiến đồng ý để chị Q được trực tiếp nuôi con vì lý do anh T hiện đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam; Con trên 7 tuổi là cháu H cũng có ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị Q); Hơn nữa các con đều đang ở ổn định với chị Q, còn anh T đang phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam, không có điều kiện để trực tiếp nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao cả 02 con chung cho chị Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị Đào Thị Q khẳng định có đủ các điều kiện để nuôi con và có ý kiến không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị Q và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đó, anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Đào Thị Q và anh Trần Văn T đều xác định không có gì và có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đào Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị Q được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. *Về con chung*: Chị Đào Thị Q và anh Trần Văn T có 02 (hai) con chung là cháu Trần Đào Gia H, sinh ngày 18/9/2015 và cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 19/02/2017.

Giao 02 con chung là các cháu Trần Đào Gia H và Trần Thị Yến N cho chị Đào Thị Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Đào Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Q đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014390 ngày 16/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Thọ Xuân. Như vậy, chị Đào Thị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Hện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS Hện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến